

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Mùi;

2. Bà Nguyễn Thị Chi;

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1256/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: X1, Xã Y1, huyện Z1, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: X2, phường Y2, Quận Z2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: X3, Y3, Z3, Canada.

(Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03/9/2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2015. Thời gian đầu mới kết hôn, vợ ông bà G thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm ông nhưng từ tháng 11/2017 bà G quay trở lại Canada và không về Việt Nam nữa. Kể từ ngày đó ông và bà G không gặp nhau, chỉ liên lạc qua điện thoại, viber, zalo. Ông đã nhiều lần

tìm hướng giải quyết cho công việc của mỗi người để có thể cùng chung sống một nơi, cùng chăm sóc, yêu thương giúp đỡ nhau như cặp vợ chồng khác. Tuy nhiên cả hai đều không muốn bỏ công việc cũng như nơi ở hiện tại. Cụ thể bà G không muốn về Việt Nam để sống với ông, cũng như ông không muốn sang Canada chung sống với bà G. Công việc quá bận rộn, lại lệch múi giờ khiến cả hai dường như chỉ biết bản thân mình, bỏ mặt người kia muốn sống như thế nào thì sống. Nay giữa ông và bà G không có hạnh phúc hôn nhân, không có tiếng nói chung và thấy rằng cuộc hôn nhân này không thể tiếp diễn được nữa, hai bên không trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng, không thương yêu chăm sóc nhau từ khi kết hôn đến nay. Nay ông xin được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết cho ông và bà G được ly hôn với nhau.

Đối với bà G sinh sống tại Canada không có mặt tại Việt Nam Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án Không có lời khai của bị đơn bà G

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa ông S và bà G là tự nguyện, được ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/03/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau về vị trí địa lý nên phát sinh mâu thuẫn khiến tình cảm rạn nứt. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đã thực hiện niêm yết theo luật định cho bà G nhưng bà G không có thông tin phản hồi, thể hiện bà G không còn quan tâm mối quan hệ hôn nhân giữa Ông S và Bà G. Do đó Ông S xin ly hôn bà G là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông S.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm ông S nộp đơn xin ly hôn, bà G đang sống tại địa chỉ: X3, Y3, Z3, Canada, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn bà G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng

bằng hình thức gửi niêm yết hợp lệ theo luật định tại Đại sứ quán Việt Nam tại Canada theo công văn số 13/TTTPDS-TA19 ngày 04/02/2020 đối với đương sự G. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Canada đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 04/11/2020 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự (Theo công văn số 3085/BTP-PLQT ngày 30/11/2020 v/v kết quả ủy thác tư pháp của Bộ tư pháp Việt Nam) nhưng bà G không có mặt tại Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xử vắng mặt các đương sự>

[3] Về nội dung: Ông S và bà G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/03/2015; Vào sổ đăng ký kết hôn số: 289 Quyển số: 02/2015 ngày 31/3/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau về vị trí địa lý nên phát sinh mâu thuẫn khiến tình cảm rạn nứt. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam đã thực hiện niêm yết theo luật định cho bà G nhưng bà G không có thông tin phản hồi, thể hiện bà G không còn quan tâm mối quan hệ hôn nhân giữa Ông S và bà G. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn. Do đó Ông S xin ly hôn bà G là có căn cứ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông S.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003523 ngày 17/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 470, Điều 474, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của ông S. Xử cho ông S được ly hôn với bà G.

Về con chung: Đương sự khai không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003523 ngày 17/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bà G được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên